

PHỤ LỤC III:
DỰ KIẾN KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN ĐỔI MỚI, NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC XÚC TIẾN
VÀ THU HÚT ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

(Gửi kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /10/2026 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

Đơn vị tính: Đồng (VNĐ)

STT	Nhóm nội dung hoạt động xúc tiến đầu tư (Gắn với Điều 81 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP)	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	Tổng cộng (2026 - 2030)
Nhóm 1	Nghiên cứu, đánh giá tiềm năng, thị trường, xu hướng và đối tác đầu tư	408.600.000	470.000.000	475.000.000	500.000.000	525.000.000	2.378.600.000
Nhóm 2	Xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ cho hoạt động xúc tiến đầu tư	1.225.800.000	940.000.000	475.000.000	500.000.000	525.000.000	3.665.800.000
Nhóm 3	Xây dựng danh mục dự án thu hút đầu tư; xây dựng ấn phẩm, tài liệu phục vụ xúc tiến đầu tư	1.225.800.000	940.000.000	950.000.000	1.000.000.000	1.050.000.000	5.165.800.000
Nhóm 4	Tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu về môi trường, chính sách, tiềm năng, cơ hội đầu tư	1.634.400.000	1.880.000.000	1.900.000.000	2.000.000.000	2.100.000.000	9.514.400.000
Nhóm 5	Đào tạo, tập huấn, tăng cường năng lực về xúc tiến đầu tư	817.200.000	470.000.000	475.000.000	500.000.000	525.000.000	2.787.200.000
Nhóm 6	Hỗ trợ, đồng hành, tháo gỡ khó khăn cho nhà đầu tư (hoạt động hỗ trợ sau cấp phép)	817.200.000	1.410.000.000	1.425.000.000	1.500.000.000	1.575.000.000	6.727.200.000
Nhóm 7	Hợp tác trong và ngoài nước về xúc tiến đầu tư	817.200.000	1.410.000.000	1.900.000.000	2.000.000.000	2.100.000.000	8.227.200.000
Nhóm 8	Tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư (hội nghị, hội thảo, diễn đàn, tọa đàm...)	1.225.800.000	1.880.000.000	1.900.000.000	2.000.000.000	2.100.000.000	9.105.800.000
TỔNG CỘNG		8.172.000.000	9.400.000.000	9.500.000.000	10.000.000.000	10.500.000.000	47.572.000.000